

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/ HNGĐ-ST
Ngày 11-01-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BÐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành N
2. Bà Trần Thị Minh T

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy L , là thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BÐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh BÐ tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thuý K , sinh năm 1990; cư trú tại thôn Giang Nam, xã Phước Hiệp, huyện TP, tỉnh BÐ; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Trọng H , sinh năm 1977; cư trú tại thôn Tùng Giản, xã Phước H , huyện TP, tỉnh BÐ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý K trình bày:

Chị và anh Vũ Trọng H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước H , huyện TP, tỉnh BÐ vào ngày 30-10-2018. Sau khi kết hôn, chị và anh Hòa sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H cờ bạc dẫn đến nợ nần ngân hàng và nhiều người; anh H hứa sửa chữa nhiều lần nhưng với bản tính ham mê cờ bạc nên không bỏ được, có lần xã hội đen kéo đến

nhà đòi nợ; đã vậy anh H còn không quan tâm đến gia đình; thường xuyên nhậu say rồi về nhà chửi bới dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự, nhân phẩm đối với chị và cha mẹ ruột của chị. Vì không thể sống chung với anh H được nên từ ngày 07/02/2022 đến nay, chị đã đưa con về nhà cha mẹ ruột ở. Từ đó đến nay, anh Hòa vẫn chứng nào tật nấy, không chịu sửa đổi, làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng tồi tệ, không có tiếng nói chung, không còn tôn trọng và tin tưởng nhau, tình cảm đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 02 con chung tên Vũ Nguyễn Quỳnh A , sinh ngày 10/9/2018 và Vũ Nguyễn An N , sinh ngày 31/3/2020. Hiện tại các con đang ở với chị, sức khỏe các con hiện tại bình thường. Riêng cháu Quỳnh Anh bị bệnh tim bẩm sinh, đã được phẫu thuật nhưng cháu thường đau ốm, phải tái khám định kỳ. Hiện nay, chị không có mang thai. Chị làm giáo viên (là hiệu phó) tại Trường mầm non xã Phước Thắng, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.500.000 đồng; anh Hòa làm giáo viên tại Trường THCS số 2 Phước Sơn, thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Quỳnh Anh và An Nhiên; yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Quỳnh Anh mỗi tháng 1.500.000đồng; đối với cháu An Nhiên mỗi tháng 1.000.000 đồng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản vì tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có.

* Tại bản khai đề ngày 01 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Trọng H trình bày:

Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như chị K trình bày là đúng. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng anh không có mâu thuẫn. Xuất phát từ việc nợ nần cá nhân và anh nghi ngờ ghen tuông với chị Kiều dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phần lớn là do anh có cờ bạc dẫn đến nợ nần ngân hàng và nhiều người; anh cũng đã cố khắc phục và mong muốn hòa giải nhưng chị Kiều không chấp nhận. Anh thấy những mâu thuẫn phát sinh trong gia đình chưa đến mức ly hôn và nhận thấy bản thân có thể khắc phục được nhưng vì tại phiên tòa chị Kiều cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn.

Anh thống nhất vợ chồng có 02 con chung và điều kiện sức khỏe, bệnh tật của các con như chị K trình bày là đúng. Anh không đồng ý giao các con chung cho chị Kiều trực tiếp nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Kiều. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Nguyễn Quỳnh A , giao cháu Vũ Nguyễn An N cho chị Kiều nuôi dưỡng; không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con; trường hợp nếu Tòa giao 02 con cho chị Kiều trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh đang công tác tại Trường THCS số 2 Phước Sơn, thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Vũ Trọng H ;

- Giao cháu Vũ Nguyễn Quỳnh A , sinh ngày 10/9/2018 cho anh Vũ Trọng H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Nguyễn An N , sinh ngày 31/3/2020 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; Không chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị K .

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Vũ Trọng H không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý K yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con. Tòa án nhân dân huyện TP đã thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Vũ Trọng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước H , huyện TP, tỉnh BD vào ngày 30-10-2018, nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Vũ Trọng H là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, vợ chồng chị Kiều, anh Hòa phát sinh nhiều mâu thuẫn cả về tinh thần và thể chất do bất đồng về quan điểm và tính cách; đỉnh điểm là từ tháng 02 năm 2022 chị K , anh H đã ly thân, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị K yêu cầu giải quyết ly hôn, anh H cho rằng những mâu thuẫn phát sinh trong gia đình chưa đến mức ly hôn nhưng vì tại phiên tòa chị Kiều cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử, xét thấy sự thuận tình ly hôn giữa chị K và anh H là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình nên được công nhận.

[3] Chị K và anh H có 02 con chung là Vũ Nguyễn Quỳnh A , sinh ngày 10/9/2018 và Vũ Nguyễn An N , sinh ngày 31/3/2020. Khi ly hôn, chị K có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Xét điều kiện của các bên, cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung thấy rằng các con đều là bé gái; cháu An N chưa đủ 36 tháng tuổi; cháu Quỳnh A bị bệnh tim bẩm sinh nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ; từ khi chị K , anh H ly thân cho đến nay, chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, các con phát triển tốt cả về tinh thần và thể chất. Cho nên, Tòa thấy cần giao cháu Quỳnh và An N cho chị K nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng đối với cháu Quỳnh A ; mỗi tháng 1.000.000 đồng đối với cháu An N theo yêu cầu của chị K là phù hợp và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Kiều phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh Hòa phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp một phần với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Vũ Trọng H .

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Vũ Nguyễn Quỳnh A , sinh ngày 10/9/2018 và Vũ Nguyễn An N , sinh ngày 31/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Thuý K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Anh Vũ Trọng H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng nuôi cháu Vũ Nguyễn Quỳnh A mỗi tháng là 1.500.000 đồng, cháu Vũ Nguyễn An N mỗi tháng là 1.000.000 đồng; kể từ tháng 02-2023 cho đến khi thứ tự các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị Nguyễn Thị Thuý K phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006442 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh BD.

3.2. Anh Vũ Trọng H phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh BĐ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP;
- UBND xã Phước H, huyện TP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm T